

TÒA ÁN ND TP THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Thúy Kiên;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Long; Bà Trần Thanh Vân;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền- *Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên;*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia;

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 629/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Chị Phan Như Q**, sinh năm 1995;

ĐKKH và ở: Tổ 01, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên;

+ Bị đơn: **Anh Trần Văn S**, sinh năm 1987;

ĐKKH: Xóm Đoàn Kết, xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ở: Tổ 01, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác do Tòa án lập, chị Phan Thị Q là nguyên đơn trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh S kết hôn với nhau vào tháng 3/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Do bất đồng quan điểm sống và do anh S luôn nghi ngờ chị Q có quan hệ ngoại tình, dẫn đến vợ chồng luôn xảy ra bất hòa, to tiếng xúc phạm nhau. Nhiều lần vợ chồng xảy ra xô sát (có lần anh S đánh đập chị Q; Cầm dao đuổi chị Q ra khỏi nhà và đập phá tài sản...). Đã nhiều lần vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2020 vợ chồng sống chung nhà nhưng ăn, ở riêng- mỗi người 01 phòng; Từ tháng 7/2020 chị Q đã về nhà cha mẹ để ở cho đến nay, tình cảm vợ chồng luôn lạnh nhạt không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị Q xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn anh S.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Thảo N, sinh ngày 14/8/2014 (con gái)- hiện chị Q đang nuôi dưỡng. Sau khi ly

hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con; Anh S đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định; Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con;

- Về điều kiện nuôi con: Chị Q công tác trong quân đội có thu nhập ổn định (lương được 7,9 triệu đồng/ tháng) và được ở ngoại trú. Anh S làm tự do, thu nhập không ổn định. Mặt khác, cháu N được ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc từ khi được hơn 01 tháng tuổi đến nay (khoảng cách giữa nhà riêng của vợ chồng và nhà riêng của bố mẹ chị Q khoảng 600 m- 700m). Do đó, chị Q trực tiếp nuôi con sẽ thuận lợi hơn anh S;

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Q đề nghị Tòa án giải quyết án phí án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai và các văn bản khác do Tòa án lập, anh Trần Văn S là bị đơn thừa nhận:

Về thời điểm kết hôn, con chung và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị Q đã khai nêu trên là đúng thực tế. Tuy nhiên, anh S xác định nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị Q không chung thủy, nhiều lần anh S đọc được tin nhắn chị Q gửi cho bạn trai, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng gây càng trầm trọng và sống ly thân như chị Q đã xác định nêu trên. Anh S đồng ý ly hôn chị Q để ổn định cuộc sống;

Về trách nhiệm nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh S thừa nhận điều kiện về việc làm, thu nhập của mỗi bên và việc cháu N được ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc từ nhỏ đến nay như chị Q đã xác định. Tuy nhiên, do chị Q công tác trong quân đội nên hạn chế thời gian chăm sóc con. Mặt khác, chị Q không đủ phẩm chất đạo đức để giáo dục con (do đã có biểu hiện quan hệ ngoại tình). Vì vậy, về pháp lý (trong bản án) anh S yêu cầu Tòa án xác định anh là người được giao trực tiếp nuôi dưỡng con. Thực tế anh S sẽ đồng ý để chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Nếu cháu N không được giáo dục tốt, anh S sẽ đón cháu N về để trực tiếp nuôi dưỡng hoặc nhờ ông bà nội ở quê (huyện Đại Từ) giúp nuôi dưỡng.

Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con;.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến do đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Đây là vụ kiện Tranh chấp về ly hôn do chị Phan Như Q khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn S. Nơi cư trú của anh S thuộc địa phận thành phố Thái Nguyên, do đó Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Thái Nguyên thụ lý,

giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS);

Người tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về tổng đạt các văn bản tố tụng và các thủ tục tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

[2]**Về nội dung:** +Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh S kết hôn vào tháng 3/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân không còn tình cảm và sự quan tâm lẫn nhau như nêu trên. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh S đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn sự gắn kết, việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Luật HN& GD), HĐXX có đủ cơ sở công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự, tạo điều kiện cho các đương sự sớm ổn định cuộc sống.

+Về con chung: Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung là Trần Thảo N, sinh ngày 14/8/2014 (con gái)- hiện đang ở với chị Q. Xét thấy: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chưa thành niên. Việc giao trách nhiệm cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Các đương sự đều tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng con, tuy nhiên, HĐXX nhận thấy cháu N có sự gắn bó về tình cảm với mẹ và việc giao con gái cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có Nền thuận lợi. Mặt khác, căn cứ Giấy chứng nhận số 15/CN-BTM ngày 12/8/2020 của Bộ Tham mưu Quân khu I, xác định chị Q là quân nhân chuyên nghiệp ở ngoại trú; thu nhập của chị Q ổn định, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con, do đó nên giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh S thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cháu N sau khi cha mẹ ly hôn theo các quy định tại Điều 58,81,82,83 của Luật HN&GD.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không giải quyết vấn đề này (nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác).

+Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không giải quyết (do đương sự không yêu cầu; nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác).

+ Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của BLTTDS;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các quy định:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS;

- Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật HN&GD;

- Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của BLTTDS ;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Như Q và anh Trần Văn S;

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Q.

Giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thảo Nhi, sinh ngày 14/8/2014 đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh S thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật; Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con (do các đương sự không yêu cầu - nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác)

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không giải quyết (do các đương sự không yêu cầu - nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác).

4. Về án phí: Chị Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang - theo Biên lai thu số 0003392 ngày 12/8/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập);

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;

- VKSND TPTN;

- THADSTPTN;

- UBND xã An Khánh,

TP Thái Nguyên;

- Đương sự

- Lưu HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Kiên

